

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHẠM BÍCH THÙY*

TÓM TẮT

Hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hoạt động (NKHSPUD) ở các trường trung học phổ thông (THPT) có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Bài viết trình bày kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động (QLHĐ) NCKHSPUD tại các trường THPT vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) theo các chức năng quản lý, gồm: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch; chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch; và kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; trường trung học phổ thông; quản lý nhà trường.

ABSTRACT

The reality of action research management in high schools in the Mekong Delta

Action research has an important role in improving high school education quality. The article presents results of a survey and assessment of the management of action researches in high schools in the Mekong Delta, in terms of planning; implementation; implementation directions; and evaluation.

Keywords: Action research, high school, school management.

1. Đặt vấn đề

Tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần đắc lực thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế đó là công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của các trường phổ thông chưa hiệu quả. Điều đó được thể hiện trong kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX: “*Đẩy mạnh NCKH giáo dục nhằm cung cấp cơ sở khoa học để hoàn thiện đường lối, chính sách giải quyết các vấn đề bức xúc trong giáo dục.*” [9].

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 đã khẳng định: “*Nghiên cứu và ứng dụng các kết quả NCKH giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp các yêu cầu phát triển giáo dục*” [10]. Vì vậy, trọng trách lớn lao của các cán bộ quản lý (CBQL) trường THPT là nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKHSPUD ngay trong từng đơn vị nhà trường.

2. Một số khái niệm cơ bản

Trên thế giới, NCKHSPUD bắt đầu từ thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ đầu thế kỉ XX với các nghiên cứu của Boone (1904), Buckingham (1926), Lewin (1942, 1944, 1946), Collier (1963), Bain (1979), Ebbutt (1985), Hopkins (1985),

* TS, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TPHCM; Email: thuyqlgd08@yahoo.com.vn

Elliott (1991). Tại Việt Nam, mô hình nghiên cứu này chỉ thực sự du nhập từ những năm đầu của thế kỉ XXI này. Dự án Việt – Bỉ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (GV) tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam (VIE 04.01911) có thể coi là dự án đầu tiên và có hiệu quả, ảnh hưởng sâu rộng nhất ở các trường phổ thông hiện nay. [6]

2.1. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

NCKHSPUD là một loại hình nghiên cứu trong giáo dục nhằm thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm và đánh giá ảnh hưởng của nó. Tác động hoặc can thiệp đó có thể là việc sử dụng phương pháp dạy học, sách giáo khoa, phương pháp quản lí, chính sách mới... của GV, CBQL giáo dục. Người nghiên cứu (GV, CBQL: sau đây gọi chung là người nghiên cứu) đánh giá ảnh hưởng của tác động một cách có hệ thống bằng phương pháp nghiên cứu phù hợp.

2.2. Quản lí hoạt động NCKHSPUD ở trường THPT

Quản lí hoạt động NCKHSPUD là sự tác động có chủ đích, có căn cứ khoa học, hợp quy luật và phù hợp các điều

kiện khách quan của chủ thể quản lí (CBQL) tới đối tượng quản lí (GV, học sinh) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động NCKHSPUD tại trường THPT.

3. Thực trạng QLHD NCKHSPUD ở trường THPT vùng ĐBSCL

Để khảo sát và đánh giá thực trạng QLHD NCKHSPUD ở trường THPT vùng ĐBSCL, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: xây dựng phiếu khảo sát dành cho 2 đối tượng, gồm: CBQL và GV. Thực trạng QLHD NCKHSPUD ở trường THPT vùng ĐBSCL được khảo sát, đánh giá tương ứng với 5 mức độ thực hiện (rất thường xuyên, thường xuyên, ít thường xuyên, không thường xuyên và không thực hiện) và 5 mức độ kết quả đạt được (rất tốt, tốt, bình thường, không tốt, rất không tốt). Kết quả thống kê được quy ước theo thang điểm ứng với 5 mức độ từ cao xuống thấp là: 4 - 4,99; 3 - 3,99; 2 - 2,99; 1 - 1,99; 0 - 0,99. Kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng tiếp cận theo các chức năng quản lí và thể hiện như sau:

3.1. Đánh giá chung thực trạng quản lí hoạt động NCKHSPUD ở các trường THPT ĐBSCL

Bảng 1. Đánh giá tổng quát thực trạng quản lí hoạt động NCKHSPUD theo 4 chức năng quản lí

Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	Thứ hạng	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1. Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKHSPUD	CBQL	3,31	0,58	2	3,03	0,82	3
	GV	3,56	0,55	1	3,06	0,75	1
2. Tổ chức thực hiện kế hoạch	CBQL	3,03	0,38	4	2,89	0,76	4

	GV	3,13	0,43	3	2,95	0,74	4
3. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kế hoạch	CBQL	3,37	0,49	1	3,31	0,63	1
	GV	3,54	0,59	2	3,35	0,71	3
4. Kiểm tra, đánh giá	CBQL	3,06	0,42	3	3,14	0,60	2
	GV	3,10	0,51	4	3,08	0,64	2
Trung bình chung	CBQL	3,19			3,09		
	GV	3,33			3,11		

Bảng 1 cho thấy nhìn chung CBQL và GV đều thống nhất đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của công tác quản lý hoạt động NCKHSPUD ở mức độ khá (ĐTB từ 3,09 đến 3,33). Sử dụng kiểm định Independent-sample T – test để tìm sự khác biệt về ý kiến đánh giá của CBQL và GV, với độ tin cậy $\alpha = 95\%$, giá trị sig của kiểm định t ở phần Equal variances not assumed của các chức năng quản lý (chức năng có số thứ tự 1, 2, 4) lớn hơn 0.05, ta có thể kết luận rằng không có sự khác biệt giữa nhóm đối tượng tham gia khảo sát là CBQL và GV. Nói cách khác, các nhóm đối tượng tham gia khảo sát là CBQL và GV đều có chung nhận định về mức độ hiệu quả của việc thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKHSPUD. Nhưng ở chức năng chỉ đạo, giá trị sig = 0,027, số liệu này cho thấy giá trị sig của kiểm định nhỏ hơn giá trị α , (sig. < 0,05), vì thế, kết luận có sự khác biệt trong nhận định giữa nhóm đối tượng tham gia khảo sát là CBQL và GV về tính hiệu quả của việc thực hiện chức năng chỉ đạo thực hiện kế hoạch NCKHSPUD. Căn cứ vào mức giá trị trung bình mà các nhóm tham gia khảo

sát đã đánh giá, ta có thể khẳng định nhóm CBQL đánh giá mức độ hiệu quả thực hiện chức năng chỉ đạo cao hơn so với kết quả đánh giá của nhóm GV.

Với từng nội dung khảo sát, giữa CBQL và GV lại có những ý kiến đánh giá khác nhau, trong khi CBQL đánh giá cao chức năng “lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kế hoạch” (hạng 1) thì GV lại đánh giá cao chức năng “xây dựng kế hoạch”. Ý kiến của CBQL đánh giá không cao chức năng “tổ chức thực hiện kế hoạch” (hạng 4) còn GV thì lại cho rằng chức năng “kiểm tra, đánh giá” ở mức thấp nhất (hạng 4). Kết quả khác nhau như vậy vì đối tượng điều tra căn cứ theo mục đích nhiệm vụ của bản thân để xác định nhiệm vụ quản lý này theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Để tìm hiểu rõ hơn vấn đề, qua trao đổi với CBQL và GV một số trường, có ý kiến cho rằng hiệu quả của công tác quản lý hoạt động NCKHSPUD còn hạn chế, do các CBQL không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ các chức năng quản lý, từ việc xây dựng kế hoạch đến tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động NCKHSPUD tại đơn vị. Một số CBQL chưa thể hiện vai trò và quan tâm đúng mức đến hoạt động NCKHSPUD hoặc

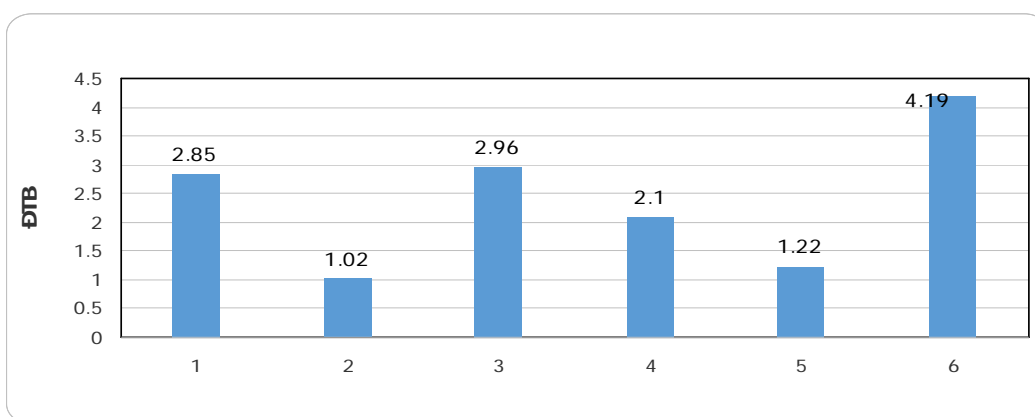
khoản trắng cho cấp dưới, do vậy hiệu quả quản lý chưa cao và còn mang tính hình thức.

3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch NCKHSPUD

Chúng tôi đã đưa ra 6 biện pháp trong xây dựng kế hoạch, bao gồm: Khảo sát nhu cầu NCKHSPUD của cán bộ, GV làm cơ sở lập kế hoạch (1); lấy ý kiến

đóng góp của tổ trưởng chuyên môn cho bản dự thảo kế hoạch (2); lấy ý kiến đóng góp của toàn thể CB, GV cho bản dự thảo kế hoạch (3); hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch từ bộ môn (4); hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch cá nhân (5); phổ biến kế hoạch NCKHSPUD cho toàn thể CB, GV nhà trường (6). Kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 1. Đánh giá về mức độ thực hiện của biện pháp xây dựng kế hoạch



Biểu đồ 1 cho thấy công tác xây dựng kế hoạch NCKHSPUD trong từng nội dung cụ thể của các trường THPT ĐBSCL chưa được thực hiện tốt. Qua phỏng vấn về cách thức xây dựng kế hoạch NCKHSPUD ở các trường hiện nay cho thấy cách xây dựng kế hoạch theo quy trình chung: Ban Giám hiệu (BGH) dựa vào hướng dẫn xây dựng kế

hoạch của Sở để xây dựng kế hoạch của trường, không tìm hiểu, góp ý của đội ngũ trưởng bộ môn và GV trong nhà trường. “Chúng tôi xây dựng kế hoạch dựa vào kế hoạch năm học của Sở. Sở có nội dung nào thì chúng tôi xây dựng nội dung đó.” (1.2.42).

3.3. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD

Bảng 2. Đánh giá các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch NCKHSPUD

TT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện	ĐTB kết quả thực hiện	.Sig
1	Tổ chức bồi dưỡng về NCKHSPUD cho GV tại trường	4,13	3,24	0,04
2	Chọn và cử GV đi đào tạo, bồi dưỡng	2,09	2,34	0,12
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho GV tham gia tập huấn,	4,27	2,56	0,003

TT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện	ĐTB kết quả thực hiện	.Sig
	bồi dưỡng, hội thảo về NCKHSPUD theo kế hoạch do Bộ, Sở tổ chức			
4	Phân công GV có kinh nghiệm, GV cốt cán kèm cặp, chỉ dẫn GV mới, GV yếu	4,17	4,07	0,22
5	Phân công trách nhiệm giữa các cấp quản lí nhà trường và tổ bộ môn	4,26	2,43	0,00
6	Tổ chức phong trào thi đua NCKHSPUD tại trường	2,37	2,21	0,34
7	Tổ chức cho GV tham quan, giao lưu, nghiên cứu học tập tại các trường/cơ sở giáo dục khác	1,91	2,42	0,06
8	Dự trù kinh phí hỗ trợ GV tham gia đề tài NCKHSPUD	1,98	1,83	0,1
9	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện kĩ thuật, tài liệu phục vụ hoạt động NCKHSPUD	2,09	2,43	0,1

Bảng 2 cho thấy các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch NCKHSPUD có mức độ thực hiện thấp. Vấn đề cốt yếu nhất là nhà trường không có hoặc không bố trí nguồn kinh phí dành cho hoạt động NCKH. Do không có kinh phí nên không phát động phong trào, không cử đi tập huấn, không mua trang thiết bị....

Kiểm định Ttest giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện, chúng tôi nhận thấy rằng: biện pháp 1,3,5 có mức độ thực hiện cao nhưng kết quả thực hiện thì không tốt. Sự khác biệt có ý nghĩa (Giá trị sig đều nhỏ hơn 0,05). Thu thập dữ liệu từ phỏng vấn sâu, bài kiểm tra modul

và bài tiểu luận, chúng tôi nhận được các thông tin: “Chúng tôi có tổ chức tập huấn nhưng người tập huấn cũng nắm chưa rõ vấn đề nên tập huấn lại cũng không được tốt lắm” (1.2.32); “Sở yêu cầu cử người thì chúng tôi cử người đi học ngay nhưng kết quả như thế nào thì chúng tôi không quản lí được” (1.1.7); “Phân công thực hiện nhưng chủ yếu là BGH thực hiện chung cho cả trường, chứ tổ bộ môn ít người lắm” (2.1.2)...

3.4. Thực trạng chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD (xem bảng 3)

Bảng 3. Đánh giá các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch NCKHSPUD

TT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện	ĐTB kết quả thực hiện	.Sig
1	Chỉ đạo GV bồi dưỡng lại cho GV toàn trường, tổ	4,17	3,88	0,12
2	Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy	4,38	4,12	0,22

TT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện	ĐTB kết quả thực hiện	.Sig
3	Chỉ đạo triển khai hội thảo khoa học, hội giảng, thao giảng tại trường	4,26	4,06	0,29
4	Chỉ đạo thực hiện hoạt động ngoại khóa (chuyên đề, giao lưu...)	4,11	3,99	0,34
5	Chỉ đạo GV mở/tham gia diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm qua mạng internet và các phương tiện truyền thông	3,46	3,92	0,14
6	Tập huấn sử dụng thiết bị dạy học mới và ứng dụng CNTT trong dạy học cho GV	4,06	3,68	0,19
7	Huy động các lực lượng cùng tham gia bồi dưỡng GV	4,05	3,72	0,25

Bảng 3 cho thấy các biện pháp về chỉ đạo thực hiện NCKHSPUD ở các trường THPT vùng ĐBSCL đều được đánh giá mức độ thực hiện từ 3,46 đến 4,38. Số liệu này tương ứng với số liệu được trình bày trong bảng 1. Kiểm định Ttest cũng không tìm thấy sự khác biệt giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện.

3.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD (xem bảng 4)

Bảng 4. Đánh giá các biện pháp kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch NCKHSPUD

STT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện	ĐTB kết quả thực hiện	.Sig
1	Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá	4,13	1,36	0,00
2	Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên quá trình thực hiện đề tài	2,15	2,34	0,07
3	Biểu dương, khen thưởng GV tích cực, có kết quả tốt trong NCKHSPUD	2,25	2,81	0,13
4	Phê bình, nhắc nhở các GV chưa tích cực trong quá trình thực hiện	4,04	3,85	0,13
5	Đánh giá, rút kinh nghiệm hàng năm	4,14	2,08	0,00
6	Tổ chức hội đồng đánh giá đảm bảo yêu cầu khách quan, khoa học	4,17	2,64	0,00
7	Phối hợp các lực lượng liên quan cùng tham gia kiểm tra, đánh giá công tác bồi dưỡng GV	2,07	2,79	0,08

Bảng 4 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động NCKHSPUD ở các trường THPT vùng ĐBSCL đã đạt được một số kết quả nhất

định nhưng còn yếu ở một số khâu như: công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên; sự phối hợp giữa các lực lượng.

Đánh giá sự khác biệt giữa mức độ

thực hiện và kết quả thực hiện bằng Ttest chúng tôi tìm thấy giá trị Sig <0,05 ở 3 nội dung: Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá; Đánh giá, rút kinh nghiệm hàng năm; Tổ chức hội đồng đánh giá đảm bảo yêu cầu khách quan, khoa học. Cả 3 nội dung này đều có ĐTB của mức độ cao (>4,0) nhưng có ĐTB của kết quả thực hiện ở mức độ thấp (từ 1,36 đến 2,64). Điều đó chứng tỏ các trường đã thực hiện các biện pháp này nhưng chưa tốt, cần xem xét lại.

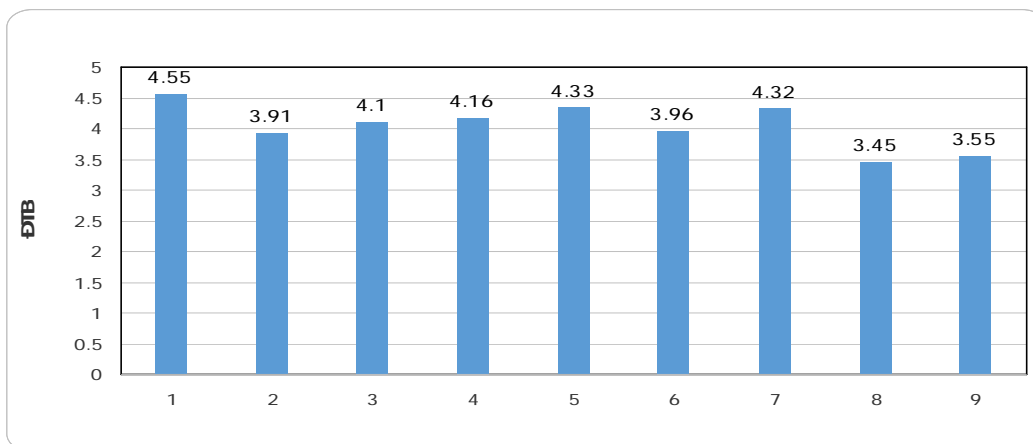
Tổng hợp các ý kiến từ phiếu phỏng vấn sâu, từ bài kiểm tra modul của các đối tượng điều tra (đặc biệt là nhóm GV) chúng tôi nhận thấy rất nhiều GV cảm thấy “bức xúc, không phục” với thành viên hội đồng đánh giá, các kết quả đánh giá: “Đề tài của em bị loại vì nói là không thực tiễn, mà dài truyền hình lại về quay đưa em lên tivi làm ví dụ điển hình. Em kiện lại, hội đồng lại cho em giải A” (1.1.21); “tiêu chí chán lắm, tôi ngồi

chăm mà còn chẳng biết chăm bao nhiêu là vừa. Tính mới có tới 20 điểm liền. Nhưng mới như thế nào thì được 5, thế nào thì được 10 chứ” (1.1.8); “tiêu chí đánh giá không rõ ràng, phụ thuộc vào cảm tính của hội đồng” (2.2.2)...

3.6. Nguyên nhân của thực trạng QLHD NCKHSPUD ở trường THPT vùng ĐBSCL

Để tìm hiểu nội dung này, chúng tôi đã đưa ra 9 yếu tố, bao gồm: cơ chế chính sách chưa thống nhất (1); môi trường NCKH không thuận lợi (2); các nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất hạn hẹp (3); không có động lực tham gia nghiên cứu (4); ý thức, thái độ đối với hoạt động NCKHSPUD còn thấp (5); trình độ, năng lực chuyên môn của CBQL còn hạn chế (6); kinh nghiệm, kỹ năng NCKHSPUD chưa tốt (7); trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế (8); khối lượng công việc giảng dạy nhiều (9). Kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 2. Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý hoạt động NCKHSPUD



Sử dụng kiểm chứng Chi square so sánh sự khác biệt giữa các tỉ lệ % nêu trên, kết hợp với số liệu tần suất, chúng tôi thấy rằng: công tác quản lý được xác định là yếu

tố ảnh hưởng rất lớn tới thực trạng hoạt động NCKHSPUD ở các trường THPT ĐBSCL ($p = 0,0007$ và $0,0008$). Điều đó chứng tỏ rằng nếu muốn phát triển hoạt

động NCKHSPUD ở các trường THPT, các nhà quản lý cần tập trung hơn nữa vào việc nâng cao chất lượng công tác QLHĐ NCKHSPUD. Điều này cũng đã được phản ánh qua số liệu đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động NCKHSPUD ở các trường THPT trong bảng 1.

Tập trung phân tích từng yếu tố, chúng tôi đã xác định được những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực, gây khó khăn cho công tác QLHĐ NCKHSPUD gồm: những yếu tố liên quan đến cơ chế, chính sách; ý thức, thái độ đối với hoạt động NCKHSPUD của đội ngũ GV, CBQL của các trường THPT; quỹ thời gian dành cho nghiên cứu; nguồn lực về

tài chính và cơ sở vật chất...

4. Kết luận

NCKH vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi của GV và cán bộ QLGD trường phổ thông. Mặc dù hoạt động này đã được Đảng và Nhà nước quan tâm và triển khai từ năm 2012, nhưng công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Những kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng QLHĐ NCKHSPUD ở các trường THPT ĐBSCL nói trên là cơ sở thực tiễn để các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục phổ thông đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKHSPUD tại các trường THPT ở ĐBSCL và toàn quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dự án Việt - Bỉ, Nghiên cứu sư phạm ứng dụng cho cán bộ quản lý*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Tài liệu tập huấn Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*, Hà Nội.
3. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2015), *Ki yếu hội thảo “Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*, TPHCM.
4. Bùi Minh Hiền (2006), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Lộc (2010), *Lí luận về quản lý*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Phạm Văn Thanh (2013), *Đề tài nghiên cứu khoa học “Triển khai hoạt động Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”*, Đại học Đồng Nai.
7. Phạm Bích Thủy (2016), *Đề tài nghiên cứu khoa học “Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường trung học phổ thông đồng bằng Sông Cửu Long”*, Trường Cán bộ Quản lý giáo dục TPHCM.
8. Trường Cán bộ Quản lý giáo dục TPHCM (2012), *Module 4 - Quản lý nhà trường*, TPHCM.
9. http://daihoi12.dangcongsan.vn/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=28340654&cn_id=402322
10. http://www.cdsphanoi.edu.vn/vi/index.php?option=com_content&view=article&id=958:chin-lc-phat-trin-giao-dc-2011-2020&catid=24:tin-giao-duc&Itemid=81

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-01-2016; ngày phản biện đánh giá: 29-3-2016; ngày chấp nhận đăng: 20-4-2016)